

**PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2026**

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng

a) Người đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học. Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hoá trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng có thể học tiếp các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp, hoặc theo hướng chuyên môn khác nếu đáp ứng được các điều kiện của chương trình đào tạo;

1.2. Điều kiện

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế Tuyển sinh ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mã trường: NTU

3. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Nguyễn Trãi tuyển sinh trên cả nước và quốc tế.

4. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường tuyển sinh theo các phương thức sau:

TT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	1.275
2	Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT	
	Xét theo kết quả học tập cả năm lớp 12	
3	Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	
4	Xét tuyển thẳng theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Trãi	

TT	Phương thức tuyển sinh	Chỉ tiêu (dự kiến)
5	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	
6	Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	

5. Tổ hợp xét tuyển

STT	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng anh
3	A07	Toán, Lịch sử, Địa lý
4	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý
5	C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý
6	C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử
7	C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý
8	C14	Toán, Ngữ văn, Giáo dục công dân
9	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân
10	C20	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục công dân
11	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng anh
12	DD2	Toán, Ngữ văn, Tiếng Hàn
13	D07	Toán, Tiếng anh, Hóa học
14	D10	Toán, Tiếng anh, Địa lý
15	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng anh
16	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng anh
17	D63	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Nhật
18	D66	Ngữ văn, Giáo dục công dân, Tiếng anh
19	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
20	X06	Toán, Vật lý, Tin học
21	X25	Toán, Tiếng anh, Giáo dục Kinh tế & Pháp luật
22	X26	Toán, Tiếng anh, Tin học
23	X27	Toán, Tiếng anh, Công nghệ

STT	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
24	X56	Toán, Tin học, Công nghệ
25	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế & Pháp luật
26	X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế & Pháp luật
27	V00	Toán, Vật lý, Vẽ
28	V01	Toán, Ngữ văn, Vẽ
29	V02	Toán, Tiếng anh, Vẽ
30	V05	Ngữ văn, Vật lý, Vẽ
31	H00	Ngữ văn, Vẽ 1, Vẽ 2
32	H01	Toán, Ngữ văn, Vẽ
33	H06	Ngữ văn, Tiếng anh, Vẽ
34	H08	Ngữ văn, Lịch sử, Vẽ

6. chỉ tiêu tuyển sinh đại học năm 2026

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Môn chung	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Các ngành đào tạo bằng Tiếng Việt																
1	7480201	Công nghệ thông tin	1.1. Công nghệ phần mềm	100 200 301	150	TO	A00	A01	C01	D01	X02	X06	X26	X27	X56		
			1.2. Kỹ thuật an toàn thông tin														
			1.3. Thiết kế vi mạch bán dẫn														
2	7340101	Quản trị kinh doanh	2.1. Quản trị du lịch	100 200 301	250	TO	A00	A01	C01	C04	D01	D07	D10	X25	X26		
			2.2. Quản trị Dịch vụ cao cấp														
			2.3. Quản trị Nhà hàng – Khách sạn														
			2.4. Quản trị khởi nghiệp														
			2.5. Quản trị Digital Marketing														
			2.6. Quản trị chuỗi cung ứng														
			2.7. Quản trị Thương mại điện tử														
			2.8. Quản trị Nguồn nhân lực														
3	7340201	Tài chính ngân hàng	3.1. Tài chính doanh nghiệp	100 200 301	100	TO	A00	A01	C01	C04	D01	D07	D10	X25	X26		
			3.2. Ngân hàng số														

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Môn chung	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Các ngành đào tạo bằng Tiếng Việt																
3	7340201	Tài chính ngân hàng	3.3. Đầu tư & Kinh doanh chứng khoán	100 200 301	100	TO	A00	A01	C01	C04	D01	D07	D10	X25	X26		
4	7340301	Kế toán	4.1. Kế toán doanh nghiệp	100 200 301	100	TO	A00	A01	C01	C04	D01	D07	D10	X25	X26		
			4.2. Kiểm toán & Dịch vụ đảm bảo														
5	7320108	Quan hệ công chúng	5.1. Truyền thông số	100 200 301	103	VA	C00	C01	C03	C04	C14	C19	C20	D01	D15	X70	X74
			5.2. Truyền thông doanh nghiệp														
			5.3. Quản trị sự kiện														
6	7210403	Thiết kế đồ họa		100 200 301	40	VA	C01	C03	C04								
				405 406			V01	V05	H00	H06	H08						
7	7580108	Thiết kế nội thất		100 200 301	50	VA	C01	C03	C04								
				405 406			V01	V05	H00	H06	H08						
8	7580101	Kiến trúc	8.1. Kiến trúc Nội thất	100 200 301	50	TO	A00	A07	C04								
			8.2. Kiến trúc công nghệ														

T T	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển		Mã phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Môn chung	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	Tổ hợp môn	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I	Các ngành đào tạo bằng Tiếng Việt																
8	7580101	Kiến trúc	8.1. Kiến trúc Nội thất	405	50	TO	H01	V00	V02								
			8.2. Kiến trúc công nghệ	406													
II	Các ngành đào tạo ngoại ngữ																
1	7220209	Ngôn ngữ Nhật	Tiếng Nhật thương mại	100	100	VA	C00	C03	C04	D01	DD2	D14	D15	D63	D66	X78	
			Tiếng Nhật Du lịch	200 301													
2	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	2.1. Tiếng Hàn thương mại	100	150	VA	C00	C03	C04	D01	DD2	D14	D15	D63	D66	X78	
			2.2. Biên phiên dịch	200 301													
3	7310601	Quốc tế học	3.1. Trung Quốc học	100	182	VA	C00	C03	C04	D01	DD2	D14	D15	D63	D66	X78	
			3.2. Anh học	200 301													

7. CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG

7.1. Học bổng “Khát vọng Hồ Chí Minh”

a) Cấp 02 suất học bổng trị giá 100% học phí, dành cho các sinh viên có khát vọng khởi nghiệp được tuyển thẳng, do đạt các giải quốc tế các môn văn hóa, thể dục thể thao, âm nhạc, hội họa, hoặc là thành viên đội tuyển thi Olympic Quốc tế hoặc Quốc gia.

– Điều kiện nhận học bổng: Thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào trường đại học Nguyễn Trãi

– Điều kiện duy trì học bổng: Học kỳ 1 năm thứ nhất được nhận khi nhập học, các kỳ tiếp theo sinh viên cần đạt kết quả học tập loại xuất sắc.

b) Cấp 06 suất học bổng trị giá 80% học phí, dành cho các sinh viên đạt các tiêu chuẩn sau:

– Điều kiện nhận học bổng: Thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào trường đại học Nguyễn Trãi

– Có điểm IELTS 7.0 trở lên;

– Đạt giải quốc gia các môn văn hóa, thể dục thể thao, âm nhạc, hội họa.

– Đạt giải cuộc thi học sinh giỏi cấp Tỉnh và hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có chứng nhận của địa phương.

– Điều kiện duy trì học bổng: Học kỳ 1 năm thứ nhất được nhận khi nhập học, các kỳ tiếp theo sinh viên cần đạt kết quả học tập loại giỏi.

7.2. Học bổng “Nhân cách Nguyễn Trãi”

a) Cấp 20 suất học bổng trị giá 50% học phí toàn khóa, cho những sinh viên đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

– Thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào trường đại học Nguyễn Trãi

– Thí sinh có tổng điểm thi THPT của tổ hợp 03 môn xét tương ứng với từng ngành xét tuyển đạt 23 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên);

– Thí sinh có tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của tổ hợp 03 môn xét tương ứng với từng ngành xét tuyển đạt 27 điểm trở lên;

– Thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa.

– Điều kiện duy trì học bổng: Học kỳ 1 năm thứ nhất được nhận khi nhập học, các kỳ tiếp theo sinh viên cần đạt kết quả học tập loại khá.

b) Cấp 20 suất học bổng trị giá 50% học phí toàn khóa dành cho học sinh nghèo vượt khó tại các Trường THPT đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có 05 học kỳ đạt học sinh giỏi cấp THPT

- Học kỳ 1 lớp 12 đạt học lực 8.5 trở lên

- Có giấy chứng nhận hộ nghèo của địa phương

7.3. Học bổng sáng tạo khởi nghiệp Võ Nguyên Giáp

Cấp 10 suất học bổng các ngành học ưu tiên trị giá 5.000.000đ/suất dành cho sinh viên có đam mê chọn các ngành: Kiến trúc, Thiết kế nội thất

7.4. Học bổng truyền cảm hứng Park Hang Seo dành cho các ngành/chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch, Kế toán, Tài chính Ngân hàng, Quan hệ

công chúng, Công nghệ thông tin, Thiết kế đồ họa, Trung Quốc học, Anh học, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc

▪ 10 suất học bổng trị giá 15.000.000đ/suất dành cho Tân sinh viên có hoài bão thành công nhanh đăng ký đến ngày 31/05/2026. Điều kiện thí sinh đăng ký từ NV1 đến NV3 vào trường đại học Nguyễn Trãi.

▪ 150 suất học bổng trị giá 10.000.000đ/suất dành cho Tân sinh viên có hoài bão thành công nhanh đăng ký đến ngày 30/06/2026. Điều kiện thí sinh đăng ký từ NV1 đến NV3 vào trường đại học Nguyễn Trãi.

▪ 330 suất học bổng trị giá 8.000.000đ/suất dành cho Tân sinh viên có hoài bão thành công nhanh đăng ký đến ngày 31/07/2026. Điều kiện thí sinh đăng ký từ NV1 đến NV3 vào trường đại học Nguyễn Trãi.

▪ 222 suất học bổng trị giá 4.000.000đ/suất dành cho Tân sinh viên có hoài bão thành công nhanh đăng ký đến ngày 31/08/2026.

7.5. Học bổng khuyến tài trong quá trình học

Học bổng quá trình nhằm mục tiêu khuyến khích phong trào học tập của sinh viên, học bổng xét theo kết quả đánh giá rèn luyện của từng năm học, cụ thể các mức như sau:

STT	Xếp loại sinh viên theo năm học	Mức học bổng theo năm học
1	Sinh viên Xuất sắc	5,000,000
2	Sinh viên Giỏi	3,000,000
3	Sinh viên Khá	1,000,000

7.6. Học bổng khác và chính sách hỗ trợ

a) Học bổng khác là học bổng dành cho sinh viên thuộc các đơn vị đối ngoại của Trường Đại học Nguyễn Trãi; các trường hợp đặc biệt có đơn xin cấp học bổng được Hiệu trưởng phê duyệt. Việc cấp học bổng được thực hiện trên căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng Trường đối với từng đơn vị được cấp học bổng.

b) Tân sinh viên nhập học là cựu học sinh Trường THCS-THPT Hà Thành, Trường Cao đẳng nghề Nguyễn Trãi được miễn giảm 40 – 50 triệu học phí toàn khóa.

c) Hỗ trợ 50% học phí toàn khóa nếu sinh viên có cha mẹ, anh chị ruột đang công tác tại Trường Đại học Nguyễn Trãi từ 3 năm trở lên.

d) Hỗ trợ 50% học phí toàn khóa nếu sinh viên có cha mẹ, anh chị ruột đang công tác tại các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn LADECO từ 3 năm trở lên.

đ) Hỗ trợ 30% học phí toàn khóa nếu sinh viên có người nhà là cán bộ, giảng viên, nhân viên đang công tác tại trường Đại học Nguyễn Trãi từ 3 năm trở lên (có điều kiện xét cụ thể).

e) Hỗ trợ 15% học phí/sinh viên nếu anh chị em ruột đã /đang học tại Trường Đại học Nguyễn Trãi.

f) Hỗ trợ từ 10% - 15% - 30% học phí toàn khóa học nếu sinh viên có cha/mẹ là thương bệnh binh/liệt sĩ/ có công với Cách mạng; mồ côi cả cha và mẹ, không nơi nương tựa; sinh viên bị bệnh tật, khuyết tật.

7.7. Cách chi trả học bổng

a) Cách chi trả học bổng đầu vào dành cho Tân sinh viên K26

- Đối với sinh viên nhận học bổng trị giá từ 100% học phí, để duy trì mức học bổng này sinh viên phải đạt danh hiệu sinh viên theo các đợt đóng học phí đạt loại Xuất Sắc, theo quy chế đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

- Đối với sinh viên nhận học bổng trị giá từ 80% học phí, để duy trì mức học bổng này sinh viên phải đạt danh hiệu sinh viên theo các đợt đóng học phí đạt loại Giỏi, theo quy chế đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

- Đối với sinh viên nhận học bổng trị giá từ 50% học phí, để duy trì mức học bổng này sinh viên phải đạt danh hiệu sinh viên theo các đợt đóng học phí đạt từ loại Khá trở lên, theo quy chế đào tạo của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

- Đối với sinh viên nhận chính sách học bổng trị giá từ 8.000.000đ – 15.000.000đ, để duy trì mức học bổng này sinh viên phải đạt danh hiệu sinh viên Khá của năm học.

- Đối với các học bổng còn lại thì được trừ vào học phí học kỳ 1 năm học 2026 - 2027.

b) Cách chi trả học bổng khuyến tài trong quá trình học tập

Căn cứ vào đánh giá xếp loại sinh viên hàng năm. Căn cứ vào tỉ lệ ngân sách dành cho học bổng dựa trên tình hình hoạt động của Trường trong năm học. Nhà trường giảm trừ học bổng cho sinh viên vào kỳ đóng học phí cuối cùng của năm học kế tiếp tại Trường. Với trường hợp sinh viên nhận học bổng toàn khóa, nhà trường sẽ giảm trừ học bổng cho sinh viên vào các kỳ học của năm học kế tiếp tại Trường.

c) Ghi chú: Sinh viên chỉ được nhận một mức học bổng cao nhất.

8. Thông tin liên hệ

Ban Tuyển sinh - Trường Đại học Nguyễn Trãi

Địa chỉ: Tầng 1, số 28A, Lê Trọng Tấn, Hà Đông, Hà Nội

Hotline: 0981 924 302

Website: www.daihocnguyentrai.edu.vn

Facebook: [daihocnguyentrai](https://www.facebook.com/daihocnguyentrai)

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến/online theo địa chỉ trên.

Trường Đại học Nguyễn Trãi thông báo “Phương án tuyển sinh đại học chính quy năm 2026”. Phương thức tuyển sinh được quy định chi tiết tại Đề án Tuyển sinh của Nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÓ CHỦ TỊCH



ThS. Trần Văn Tuyền